TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2025/DS-ST
Ngày: 13 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Lý Hồng Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông H. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông C. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2.2. Bà N (T). Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông H trình bày:* Ông C, bà T có tham gia chơi dây hụi tháng do ông H mở, cụ thể: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 30/3/2020 âm lịch, có 27 phần, ông C, bà T tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là "C". Ông C, bà T hốt hụi đầu sau khi trừ đầu thảo với số tiền là 17.700.000 đồng, vào ngày 30/3/2020 âm lịch ông H đã giao hụi đầy đủ cho ông C, bà T (có làm tờ cam kết hốt hụi). Sau khi hốt hụi, ông C, bà T đóng hụi chết cho ông H được 15 lần, còn lại 12 lần thì ông C, bà T chưa đóng cho ông H. Dây hụi này đã mãn và ông H phải bỏ tiền ra để tràn hụi cho ông C, bà T và ông C, bà T còn nợ ông H số tiền hụi chết là 01 phần x 12 lần x 1.000.000 đồng = 12.000.000 đồng. Ngoài ra, ông C, bà T còn vay mượn ông H 04 lần với tổng số tiền là 14.300.000 đồng. Tổng cộng, ông C, bà T còn nợ ông H số tiền hụi và vay mượn là 12.000.000 đồng + 14.300.000 đồng = 26.300.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2025, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà T cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền hụi và vay mượn còn nợ tổng cộng là 26.300.000 đồng (không yêu cầu tính lãi).

Tại phiên hòa giải ngày 08/8/2025, ông H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà T cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền hụi và vay mượn còn nợ tổng cộng là 16.800.000 đồng (không yêu cầu tính lãi) (tương ứng rút lại số tiền là 9.500.000 đồng).

Ông H yêu cầu ông C, bà T trong thời hạn 01 tuần sau ngày hòa giải 08/8/2025 phải trả cho ông H số tiền còn nợ là 8.000.000 đồng và đồng ý cho ông C, bà T trả dần số tiền còn nợ là 8.800.000 đồng còn lại với mức 1.000.000 đồng/tháng hoặc 3.000.000 đồng/03 tháng. Về việc ông C, bà T xin trả dần toàn bộ số tiền còn nợ là 16.800.000 đồng cho ông H với mức 3.000.000 đồng/03 tháng thì ông H không đồng ý.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn ông C, bà N (T) trình bày:* Qua yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông C, bà T thừa nhận ông C, bà T có nợ ông H số tiền là 16.800.000 đồng theo như các bên đã thống nhất thừa nhận tại buổi hòa giải cơ sở ngày 10/01/2025 và ông C, bà T cũng đồng ý trả cho ông H số tiền này. Tuy nhiên, do hiện nay ông C, bà T đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên xin trả dần toàn bộ số tiền còn nợ là 16.800.000 đồng cho ông H với mức 3.000.000 đồng/03 tháng. Về việc ông H yêu cầu ông C, bà T trong thời hạn 01 tuần sau ngày hòa giải 08/8/2025 phải trả cho ông H số tiền còn nợ là 8.000.000 đồng và đồng ý cho ông C, bà T trả dần số tiền còn nợ là 8.800.000 đồng còn lại với mức 1.000.000 đồng/tháng hoặc 3.000.000 đồng/03 tháng thì ông C, bà T không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đã được rút lại một phần tại phiên hòa giải ngày 08/8/2025; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà T cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền hụi và vay mượn còn nợ tổng cộng là 26.300.000 đồng (không yêu cầu tính lãi); Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Ông C, bà T là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[4] Theo đơn khởi kiện, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà T cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền hụi và vay mượn còn nợ tổng cộng là 26.300.000 đồng (không yêu cầu tính lãi). Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 08/8/2025 ông H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà T cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền hụi và vay mượn còn nợ tổng cộng là 16.800.000 đồng (không yêu cầu tính lãi) (tương ứng rút lại số tiền là 9.500.000 đồng). Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà ông H đã rút này.

[5] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, ông H, ông C, bà T thống nhất thừa nhận ông C, bà T còn nợ ông H số tiền hụi và vay mượn tổng cộng là 16.800.000 đồng; ông C, bà T cũng đồng ý trả cho ông H toàn bộ số tiền này, chỉ xin được trả dần. Sự thừa nhận này của ông H, ông C, bà T là tình tiết, sự kiện mà các bên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông C, bà T nợ ông H số tiền hụi và vay mượn tổng cộng là 16.800.000 đồng là sự thật, cho đến nay ông C, bà T chưa trả số tiền này cho ông H là vi phạm thỏa thuận về vay tài sản đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay và vi phạm thỏa thuận về góp hụi đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ của hụi viên theo quy định tại Điều 466, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, việc ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà T cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền hụi và vay mượn còn nợ tổng cộng là 16.800.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ông C, bà T xin trả dần số tiền còn nợ là 16.800.000 đồng cho ông H với mức 3.000.000 đồng/03 tháng cho đến khi dứt nợ thì ông H không đồng ý. Ông H yêu cầu ông C, bà T thời hạn 01 tuần sau ngày hòa giải 08/8/2025 phải trả cho ông H số tiền còn nợ là 8.000.000 đồng và đồng ý cho ông C, bà T trả dần số tiền còn nợ là 8.800.000 đồng còn lại với mức 1.000.000 đồng/tháng hoặc 3.000.000 đồng/03 tháng thì ông C, bà T cũng không đồng ý. Từ đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền còn nợ theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng, hàng quý…) là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và chuyển sang giai đoạn thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau về phương thức trả số tiền còn nợ tại cơ quan thi hành án.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, giải quyết buộc ông C, bà T phải cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền hụi và vay mượn còn nợ tổng cộng là 16.800.000 đồng; đình

chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông C, bà T trả số tiền hụi và vay mượn còn nợ tổng cộng là 9.500.000 đồng.

[8] Về án phí sơ thẩm: Ông H không phải chịu án phí sơ thẩm; ông C, bà T phải cùng chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền là 16.800.000 đồng x 5% = 840.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông C và bà N (T) trả số tiền hụi và vay mượn còn nợ tổng cộng là 16.800.000 đồng.

Buộc ông C và bà N (T) phải cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền hụi và vay mượn còn nợ tổng cộng là 16.800.000 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông H đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông C và bà N (T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông C và bà N (T) trả số tiền hụi và vay mượn còn nợ tổng cộng là 9.500.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông H không phải chịu án phí sơ thẩm. Ông C và bà N (T) phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 840.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND KV10-CT (01);
- Phòng THADS KV10-CT(01);
- TAND thành phố Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt